TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HSST
Ngày 27/8/2019

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Tiến Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Khoàng Văn Hặc

2. bà Vừ Thị Sùng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Phìn Đại Quảng** - thư ký Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC tham gia phiên tòa: **bà Lê Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân huyện MC số: 33/2019/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc A (tên gọi khác: không)**,** sinh ngày 18/12/1989, tại huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản P C, xã P H, huyện MC, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1960; vợ: Lò Thị Ph, sinh năm 1991; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 7/6/2019, ngày 13/6/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Lò Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 06/4/1988, tại huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản P C, xã P H, huyện MC, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn G, sinh năm 1962 và bà Điêu Thị Th sinh năm: 1963; vợ: Mào Thị L, sinh năm 1990; bị cáo có 01 người con, sinh năm 2006; tiền sự: không; tiền án: Năm 2016 bị xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 02/2016/HSST ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên, ngày 27/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù chưa

được xóa án tích. Nhân thân: Năm 2013 đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Bị cáo bị tạm giữ ngày 7/6/2019, tạm giam ngày 13/6/2019. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T: Ông Phùng Việt H. Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Bị hại: ông Nguyễn Trọng D - sinh năm 1970; Nơi ĐKHKTT: xã HS, huyện LS, tỉnh HB. Chỗ ở hiện nay: Đội 20, xã TH, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Trần Thị H, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Bản P C, xã P H, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

Người làm chứng:

ông Bùi Văn T, sinh năm 1970, Nơi cư trú: xã NL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1965, Nơi cư trú: Bản P H 2, xã P H, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

ông Lò Văn G - sinh năm 1962, Nơi cư trú: Bản P C, xã P H, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc A đang làm bảo vệ trường Trung học cơ sở Mường Anh, thấy Anh Nguvễn Trọng Dân đang thi công nhà hiệu bộ cho nhà trường, có nhiều sơ hở trong quản lý tài sản nên A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt một số tài sản để sử dụng và bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vào khoảng 16 giờ ngày 04/6/2019 A gặp Lò Văn T đi làm nương về, biết T là người nghiện ma túy nên A rủ T tối lên Trường Trung học cơ sở Mường Anh để trộm cắp một số tài sản, T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ ngày 05/6/2019, T mượn điện thoại của Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1965, trú tại bản P H 2, xã P H, huyện MC gọi điện cho A đến đón T. A đi chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, màu đen đỏ BKS 27U1-023.05 đến suối bản P H chở T đến cách cổng trường 18,5m thì dừng xe lại, bảo T đứng đợi A đi tắt camera nhưng thực chất camera đã bị hỏng. A vào cất xe, sau đó ra gọi T vào trong trường và nói cho T biết vị trí để máy cắt sắt, phòng có tài sản và anh Dân ngủ. A dặn T khi nào lấy xong tài sản thì gọi A đưa về, A vào phòng bảo vệ nghỉ ngơi. T đi đến gầm cầu thang lấy 01 máy cắt sắt màu cam và 01 can rượu 20 lít mang ra cất giấu ở cổng trường. T tiếp tục đi lên tầng 2 đến phòng học lớp 6A/8A có anh Dân đang ngủ, T đã nhẹ nhàng đi vào lấy được 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng ASUS, 01 điện thoại NOKIA, bên trong có 04 sim điện thoại, để ở cửa sổ; 01 ba lô HP màu đen bên trong có 01 laptop ASUS K53S, 01 bộ sạc ASUS, 01 chuột máy tính màu đen, 01 USB dự toán ETA màu đen, 01 USB D-Com 3G màu đen, 01 USB Kingston 16GB màu bạc. T bỏ tất cả tài sản lấy được vào ba lô HP mang ra cổng trường cất giấu, trên đường ra thấy có 01 can xăng 5 lít T lấy luôn, mang ra nơi để máy cắt sắt và can rượu. T đi vào phòng bảo vệ gọi A dậy để chở T và tài sản đã trộm cắp được mang về nhà bố mẹ T là ông Lò Văn Giao để cất giấu.

Kết luận định giá tài sản số: 11/KLĐG, ngày 13/6/2019, của Hội đồng định giá

tìa sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng tài sản Nguyễn Ngọc A, Lò văn T trộm cắp có giá trị 7.013.900 đồng.

Cáo trạng số: 35/CT-VKS-MC ngày 12/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc A, Lò Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội *"trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối các với bị cáo Nguyễn Ngọc A, Lò Văn T.

Về vật chứng vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Masstel kem theo 01 sim điện thoại số 0973606431, 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen đỏ BKS 27U1-023.05 thu giữ của Nguyễn Ngọc A.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm hình sự cho bị cáo Lò Văn T, Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện MC đã truy tố và kết luận tại bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, có con còn nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tài sản bị trộm cắp đã được trả lại cho người bị hại, hậu quả tội phạm không lớn nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất do Viện kiểm sát đề nghị là 12 tháng tù để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị hại trong vụ án là ông Nguyễn Trọng D tại phiên tòa có ý kiến: Về tài sản ông đã được nhận lại toàn bộ, không thiệt hại gì nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Lò Văn T để các bị cáo có điều kiện cải tạo, phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Lò Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. HĐXX thấy rằng lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MC, tỉnh Điện Biên thu thập trong quá trình giải quyết vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật, kết luận định giá tài sản. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc S, Lò Văn G và người có nghĩa vụ liên quan Trần Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận vào khoảng 22 giờ ngày 05/6/2019 tại Trường trung học cơ sở Mường anh, xã P H, huyện MC, Nguyễn Ngọc A cùng Lò Văn T đã lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 ba lô bên trong có 01 laptop ASUS K53S, 01 bộ sạc, 01 con chuột; 01 USB dự toán ETA; 01 USB D-Com 3G; 01 USB Kingston 16GB; 01 điện thoại cảm ứng ASUS; 01 điện thoại NOKIA; 04 sim điện thoại; 01 máy cắt sắt; 01 can 5 lít xăng; 01 can 20 lít rượu, có tổng giá trị 7.013.900 đồng của anh Nguyễn Trọng Dân, mục đích trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài và sử dụng cho bản thân.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Lò Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội *" Trộm cắp tài sản "* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, Nguyễn Ngọc A và Lò Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do pháp luật quy định.Viện kiểm sát nhân dân huyện MC truy tố và kết luận các bị cáo phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, sai. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T đồng thuần với quan điểm của kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo và không tranh luận.

2. Xét về tính chất của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS: Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, khách thể được luật hình sự bảo vệ. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận biết hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để tiêu sài cá nhân nên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Trọng Dân, hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội do các bị cáo đã gây ra, để cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm trong tình hình hiện nay. Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn trong đó Nguyễn Ngọc A là người khởi xướng, giúp sức, bị cáo Lò Văn T là người thực hiện tích cực, trực tiếp lấy trộm và cất dấu tài sản.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lò Văn T có tiền án năm 2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 02/2016/HSST ngày 30/11/2016, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2018 chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do vậy thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Cơ

quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, tài sản lấy trộm đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu. Bởi vậy hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thông qua đó thể hiện chính sách khoan hồng, giảm nhẹ của pháp luật đối với người phạm tội. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại i khoản 1 Điều 51/BLHS, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Người bị hại là ông Nguyễn Trọng D trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Ngọc A ra khỏi đời sống xã hội, chỉ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Còn đối với Lò Văn T kết quả điều tra cho thấy năm 2013 đã bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, năm 2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay xử phạt tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Bản thân là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên vắng mặt tại địa bàn, khi đi không không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù để cải tạo, giáo dục bị cáo. Xét đề nghị của kiểm sát viên và người bào chữa có căn cứ nên cần chấp nhận một phần.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án (biên bản xác minh thu nhập, tài sản) và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo Lò Văn T không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập phụ thuộc vào ruộng, nương, điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Bị cáo Nguyễn Ngọc A đã bị chấm dứt hợp đồng lao động làm bảo vệ cho trường THCS Mường anh, không còn có thu nhập, không có tài sản cá nhân, sống cùng với bố mẹ đẻ, có hai con còn nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo, đồng thời miễn việc khấu trừ thu nhập theo qui định tại khoản 3 Điều 36/BLHS đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A.

3. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện MC, tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh huyện MC; trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng với quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Trọng D đã nhận lại toàn bộ tài sản của mình đồng thời không yêu cầu đề nghị các bị cáo bồi thường thêm do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của người bị hại tại phiên tòa.

5. Về vật chứng:

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu yamaha Sirius, biển kiểm soát 27U1- 023.05, Số khung RLCS5C630 CY 599890; số máy 5C63-599939 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, là tài sản do bị cáo mua của chị Trần Thị H bị cáo đã trả đủ tiền, hai bên có lập biên bản mua bán xe, bị cáo chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ

nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. 01 điện thoại đen trắng, nhãn hiệu Masstel, kèm theo 01 sim số 0973606431 bị cáo sử dụng để liên lạc trao đổi trong quá trình phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

6. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T, Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải nộp 200. 000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Lò Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ vào thời gian bị cáo chấp hành 06 ngày bị tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn lại bị cáo phải chấp hành 23 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc A cho Ủy ban nhân xã P H để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn ngọc A có trách nhiệm phối hợp với UBND xã P H trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lò văn T, Nguyễn Ngọc A theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc xe máy nhãn hiệu yamaha Sirius, biển kiểm soát 27U1- 023.05, Số khung RLCS5C630 CY 599890; số máy 5C63-599939; 01 điện thoại đen trắng, nhãn hiệu Masstel, kèm theo 01 sim số 0973606431

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện MC và Chi cục Thi hành án dân sự huyện MC, tỉnh Điện Biên ngày 14 / 8/2019).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với Lò Văn T. Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm**.**

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- Cơ quan THAHS huyện MC;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- Bị cáo; Bị hại, Người có QLNVLQ
- Phòng GĐKT TA tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- UBND xã P H thay cho thông báo;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Hưng